TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2021.
V/v: "Ly hôn giữa chị K và anh Q"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Xuân Tiến.

Ông Nguyễn Thế Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:***Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị K; Sinh năm: 1988 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn:Anh Đoàn Văn Q; Sinh năm: 1987 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2021 được bổ sung tại bản tự khai ngày 25/10/2021, nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày: Chị và anh Đoàn Văn Q kết hôn vào ngày 03/01/2007, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên, từ năm 2014 đến năm 2019, do kinh tế khó khăn, chị đi làm ăn xa. Trong thời gian này anh Q không chung thủy đã chung sống với người khác. Đến năm 2019, chị về nhưng vợ chồng không tiếp tục chung sống với nhau nữa,

không ai quan tâm đến ai. Hai bên không tìm được biện pháp khắc phục để đoàn tụ. Mặc dù, hai bên gia đình đã tác động nhưng không hòa giải được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q đã thực sự đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Đoàn Minh T, sinh ngày 27/11/2008, Đoàn Phương N, sinh ngày 01/06/2010 và Đoàn Hải Y, sinh ngày 21/02/2012. Hiện hai con chung T và Y đang ở cùng anh Q. Còn cháu N ở cùng chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung Phương N, còn cháu T, cháu Y để anh Q nuôi và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với mẹ của anh Đoàn Văn Q là bà Nguyễn Thị M cho thấy: Chị Nguyễn Thị K và anh Đoàn Văn Q kết hôn vào năm 2007, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống có mâu thuẫn nhưng sau đó lại hòa giải. Tuy nhiên, từ năm 2014 đến năm 2019 chị K đi làm ăn xa, anh nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình nên vì thế vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không ai quan tâm đến ai. Từ năm 2019 đến nay chị Kn không đi làm ăn nữa, mặc dù đã về nhà nhưng mâu thuẫn vẫn không thay đổi. Theo bà khả năng đoàn tụ của anh Q và chị K là khó. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Đoàn Minh T, sinh ngày 27/11/2008, Đoàn Phương N, sinh ngày 01/06/2010 và Đoàn Hải Y, sinh ngày 21/02/2012. Hiện hai con chung T và Y đang ở cùng anh Q. Còn cháu N ở cùng chị K. Anh chị ly hôn bà tạo điều kiện chăm sóc cho các cháu nếu anh Q được Tòa án giao nuôi. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị K và anh Q, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Đoàn Văn Q. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Phương N, sinh ngày 01/06/2010; Giao cho anh Đoàn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng 2 con là Đoàn Minh T, sinh ngày 27/11/2008 và Đoàn Hải Y, sinh ngày 21/02/2012. Chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con theo quy định của pháp luật đối với cháu Y cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị K, anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Nguyễn Thị K và anh Đoàn Văn Q kết hôn vào ngày 03 tháng 01năm 2007, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Vì vậy,đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị K đi làm ăn xa, giữa hai anh chị không có niềm tin ở nhau. Anh chị có thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án anh Q không có măt. Điều đó chứng tỏ anh không còn tha thiết với cuộc sống chung vợ chồng nữa. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị K và anh Q nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị K đối với anh Đoàn Văn Q.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là Đoàn Minh T, sinh ngày 27/11/2008, Đoàn Phương N, sinh ngày 01/06/2010 và Đoàn Hải Y, sinh ngày 21/02/2012. Hiện hai con chung T và Y đang ở cùng anh Q. Còn cháu N ở cùng chị Khuyên. Trên cở sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của các con chung nên giao con chung Đoàn Phương N cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Đoàn Minh T và Đoàn Hải Y cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Đoàn Hải Y hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.800.000 đồng, kể từ tháng 1/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị K, anh Q có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Sau này, anh Q có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Đoàn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Phương N, sinh ngày 01/06/2010; Giao cho anh Đoàn Văn Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đoàn Minh T, sinh ngày 27/11/2008 và Đoàn Hải Y, sinh ngày 21/02/2012. Chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Đoàn Hải Y hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.800.000 đồng, kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung Hải Y đủ 18 tuổi. Chị K, anh Q có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004480 ngày 25/10/2021. Chị K còn phải nộp 300.000 đồng.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường